

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST  
Ngày: 15-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Kim Anh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài - Cán bộ hưu trí phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Đình Thọ - Giáo viên hưu trí phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Diễm - Thư ký của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:** Ông Trần Điện Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/TLST-HS ngày 06/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HS ngày 02/6/2020 đối với bị cáo:

Phạm Đình D, sinh năm 1994 tại Hoài Nhơn, Bình Định; nơi cư trú: thôn CLD, xã TQ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Quy L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; có vợ là chị Phạm Thị Như N, sinh năm 1994, có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP. Quy Nhơn; có mặt.

**- Bị hại:**

1. Anh Nguyễn An T, sinh năm 1978; trú tại: 29 đường LG, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Đinh Thanh K, sinh năm 1999; trú tại: số A, đường NTMK, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. Em Thái Văn Đ, sinh ngày 01-9-2002; trú tại: Tổ A, khu vực B, phường TN, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị hại dưới 18 tuổi em Thái Văn Đ:* Ông Thái Văn T, sinh năm 1970 (là cha đẻ của em Đ); trú tại: Tổ A, khu vực B, phường TN, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

4. Anh Huỳnh Hiệp H, sinh năm 1994; trú tại: số A đường TL, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Bùi Thị Công T, sinh năm 1967; trú tại: số A đường TX, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Em Phan Gia B, sinh ngày 22/11/2004; trú tại: số A đường NTH, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dưới 18 tuổi em Phan Gia B:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 1966 (là mẹ đẻ của em B); trú tại: số A, đường NTH, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt (bà L có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Phạm Minh T, sinh năm 1997; trú tại: số A đường NM, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1967; trú tại: Tổ A, KVB, P. TN, thành phố Quy Nhơn, Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1985; trú tại: số A, đường PNT, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966; trú tại: tổ A, khu vực B, phường QT, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để tiêu xài cá nhân, Phạm Đình D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và thực hiện các vụ chiếm đoạt cụ thể như sau:

Vụ 1: Chiều ngày 23/9/2018, Phạm Đình D nảy sinh ý định thuê xe rồi đem cầm cố lấy tiền tiêu xài nên D gọi điện thoại cho anh Nguyễn An T để thuê xe mô tô. D mượn giấy chứng minh nhân của Phạm Minh T và nói dối để đăng ký lưu trú ở khách sạn. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh T đem xe mô tô biển kiểm soát 77Y2-1475 hiệu Kymco Like 125 màu vàng đến trước trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh Bình Định ở 59 Hà Huy Tập, thành phố Quy Nhơn để gặp D. Lúc này, D dùng chứng minh nhân dân của anh T để làm hợp đồng thuê xe với anh T. Do trời tối, anh T không kiểm tra ảnh trong giấy chứng minh nhân dân và thấy D mặc đồ Công an nên tin tưởng làm hợp đồng, giao xe mô tô 77Y2-1475 cho D. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, D tìm chỗ cầm cố

lấy tiền tiêu xài nhưng không có giấy tờ xe nên không cầm cố được. Thấy D không trả tiền thuê xe nên anh T liên tục gọi điện yêu cầu D trả tiền thuê hoặc trả xe thì D chuyển khoản cho anh T 02 lần, mỗi lần 500.000 đồng. Đến cuối tháng 10/2018, D mang xe mô tô 77Y2-1475 cầm cố cho chị Bùi Thị Công Thủy 2.000.000 đồng rồi tiêu xài hết. Do sợ mất xe nên anh T tìm đến T thì biết D dùng giấy chứng minh của T để lừa dối mình thuê xe nên anh T đến Công an phường Ngô Mây báo cáo sự việc.

Vụ 2: Khoảng tháng 01/2020, Phạm Đình D quen với Đinh Thanh K do có cầm cố điện thoại cho K trước đó và biết được K có mua lại điện thoại di động của người mua dưới hình thức trả góp sau đó bán lại với giá cao hơn.

Sáng ngày 22/02/2020, D liên lạc với K nói dối sẽ mua trả góp 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax rồi bán lại cho K với giá 23.000.000 đồng và thỏa thuận K đưa cho D 15.000.000 đồng để D đóng tiền trả trước và sau khi nhận điện thoại K sẽ đưa tiếp cho D 8.000.000 đồng. K tưởng là thật nên nhờ Thái Văn Đ (là người làm ăn chung với K trong việc mua bán điện thoại) đứng ra mua và K chuyển khoản cho Đ 15.000.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 40 phút ngày 22/02/2020, Đ và D hẹn gặp nhau tại trước tiệm điện thoại TV ở 186 Hoàng Văn Thụ, thành phố Quy Nhơn. Khi đến nơi, D nói dối với Đ là đang làm hợp đồng mua trả góp điện thoại Iphone 11 Promax tại tiệm TV và yêu cầu Đ đưa trước 15.000.000 đồng để đóng tiền trả trước như thỏa thuận. Đ nghe vậy không nghi ngờ gì nên điều khiển xe mô tô đi rút 15.000.000 đồng trong tài khoản của Đ rồi quay lại gặp D đang đứng gần cửa hàng TV và đưa tiền cho D. Sau khi nhận tiền, D giả vờ đi bộ về phía cửa hàng TV, thấy Đ không để ý nên D cầm tiền bỏ chạy về phòng trọ ở hẻm đường Hoàng Văn Thụ. Đ thấy D bỏ chạy nên đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, Đ báo cáo sự việc đến Công an phường QT, TP. Quy Nhơn. Số tiền chiếm đoạt, D đã tiêu xài hết.

Vụ 3: Khoảng 17 giờ ngày 23/02/2020, D chơi game tại tiệm Internet ở 216 Diên Hồng, TP. Quy Nhơn thì thấy xe mô tô hiệu Yamaha-Exciter biển kiểm soát 77L1-199.90 của anh Huỳnh Hiệp H để trước tiệm, cầm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. D lén đến dắt xe mô tô 77L1-199.90, khởi động xe điều khiển đến gửi tại bãi giữ xe của Bến xe Quy Nhơn rồi về phòng trọ. Anh H phát hiện mất xe nên báo cáo Công an phường LTK.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/02/2020, D đến tiệm Internet Hasa trên đường Thanh Niên để chơi game rồi nhờ em Phan Gia B cũng đang ngồi chơi game đi cùng D đến Bến xe Quy Nhơn để lấy xe mô tô giúp D. Khi đến nơi, D đưa chìa khóa xe và phiếu giữ xe để B vào dắt xe ra, còn D đứng ở ngoài chờ. Bảo nghĩ xe mô tô là của D nên vào dắt xe mô tô ra khỏi bãi giữ xe thì bị Công an thành phố Quy Nhơn phát hiện tạm giữ và đưa B về trụ sở để làm việc. D thấy vậy đón xe ôm về phòng trọ rồi bỏ trốn. Đến ngày 27/02/2020, D được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Quy Nhơn đưa về trụ sở để làm việc. Qua điều tra Phạm Đình D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 05/3/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 xe mô tô hiệu Kymco Like 125 màu vàng biển số 77Y2-1475, trị giá 8.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 màu xanh trắng biển số 77L1-199.90, trị giá 15.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu Kymco Like 125 màu vàng biển số 77Y2-1475, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 màu xanh trắng biển số 77L1-199.90 và đã xử lý vật chứng giao trả xe mô tô hiệu Kymco Like 125 màu vàng biển số 77Y2-1475 cho anh Nguyễn An T, giao trả xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 màu xanh trắng biển số 77L1-199.90 cho anh Huỳnh Hiệp H.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại anh Nguyễn An T và anh Huỳnh Hiệp H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì.

Các bị hại anh Đinh Thanh K và em Thái Văn Đ đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt 15.000.000đ. Anh K, em Đ và người đại diện hợp pháp của em Đ là ông Thái Văn T không yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Công T yêu cầu bị cáo hoàn trả lại 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSQN ngày 06/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố Phạm Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn, các quyết định cũng như các hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Phạm Đình D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Công T số tiền 2.000.000đ.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo nhận tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và rất hối hận về hành vi của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, những người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Đình D có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn nhất định, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân, xem thường pháp luật bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi bằng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin không đúng sự thật để các bị hại anh Nguyễn An T, anh Đinh Thanh K và em Thái Văn Đ tin tưởng, tự nguyện giao tài sản và chiếm đoạt tài sản của họ. Chiếm đoạt của anh Nguyễn An T 01 xe mô tô hiệu Kymco Like 125 màu vàng biển số 77Y2-1475 vào ngày 23/9/2018, trị giá 8.000.000đ (theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn vào ngày 05/3/2020), chiếm đoạt của anh Đinh Thanh K và Thái Văn Đ 15.000.000đ vào ngày 22/02/2020, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 23.000.000đ. Bị cáo còn lợi dụng sự sơ hở của anh H thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Huỳnh Hiệp H 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 màu xanh trắng biển số 77L1-199.90 vào ngày 23/02/2020, trị giá 15.000.000đ (theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn vào ngày 05/3/2020). Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Nguyễn An T, anh Đinh Thanh K, em Thái Văn Đ và anh Huỳnh Hiệp H. Vì vậy bị cáo đã phạm vào các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý đối với bị cáo:

Bị cáo Phạm Đình D hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động nhờ người thân bồi thường thiệt hại cho các bị hại anh K và em Đ. Tại phiên tòa các bị hại anh K, em Đ, anh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và nhiều tội phạm độc lập. Do vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn đối với từng tội danh và tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tài sản chiếm đoạt của các bị hại đã được gia đình bị cáo bồi thường và được cơ quan cảnh sát điều tra giao trả lại cho các bị hại nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại anh Nguyễn An T và anh Huỳnh Hiệp H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

- Các bị hại anh Đình Thanh K và em Thái Văn Đ đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt 15.000.000đ. Anh K, em Đ và người đại diện hợp pháp của em Đ là ông Thái Văn T không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Công T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.000.000đ. Xét thấy, đây là số tiền bà T đã đưa cho bị cáo để nhận cầm cố xe nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, bà T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vấn đề khác: Anh Phạm Minh T là người cho bị cáo mượn giấy chứng minh nhân dân của mình nhưng không biết việc bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, bà Bùi Thị Công T và em Phan Gia B không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Quy Nhơn không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” và buộc phải hoàn trả cho bà Bùi Thị Công T số tiền 2.000.000đ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình D phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình D 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai tội là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Đình D phải hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Công T số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Bùi Thị Công T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền hoàn trả nêu trên, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo Phạm Đình D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại dưới 18 tuổi, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan dưới 18 tuổi vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Đặng Thị Kim Anh**